

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 -3- 2022
V/v “Tranh chấp ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh V, sinh năm 1979. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị T, sinh năm 1981. (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện anh V trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị T ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh và chị T không gặp nhau bàn bạc gì cả. Nhận thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung là cháu A, sinh ngày 16-11-2005, hiện cháu A đang sống với chị T, anh yêu cầu giao chị T nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V chung sống từ năm 2005 đến năm 2010 thì vợ chồng ly thân đến nay. Nguyên nhân là do anh V có sống chung với người phụ nữ khác nên vợ chồng mới mâu thuẫn với nhau. Có thời gian năm 2012 chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh V gửi xã giải quyết nhưng anh V không đồng ý nên chị rút đơn yêu cầu. Nay anh V yêu cầu ly hôn chị không đồng ý. Nếu anh V muốn ly hôn phải trợ cấp nuôi con một lần 50.000.000 đồng chị mới đồng ý.

Về con chung: Chị và anh V chung sống có 01 con chung là cháu A, sinh ngày 16-11-2005, hiện cháu An đang sống với chị. Anh V giao chị nuôi cháu An thì chị đồng ý và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 01 lần 50.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V đối với chị T; Về con chung: giao chị T tiếp tục trong môm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A, sinh ngày 16-11-2005, anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Anh V và chị T chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau bàn bạc gì cả. Nay nhận thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V có đơn yêu cầu ly hôn nhưng chị T không đồng ý. Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy anh chị có thời gian dài ly thân mà không gặp nhau bàn bạc về việc đoàn tụ gia đình, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án chị T có điều kiện nếu anh V ly hôn với chị thì anh V phải cấp dưỡng nuôi con một lần 50.000.000 đồng chị mới đồng ý ly hôn chứng tỏ chị không có thiện chí đoàn tụ gia đình cùng với anh V, ngoài ra có thời gian năm 2012 chị T chủ động gửi đơn xin ly hôn với anh V đến xã yêu cầu giải quyết nhưng anh V không đồng ý nên chị rút đơn yêu cầu. Do đó xét mâu thuẫn

của anh chị ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V đối với chị T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung là cháu A, sinh ngày 16-11-2005, anh chị thống nhất giao cháu An cho chị T nuôi dưỡng và qua làm việc cháu An có nguyện vọng sống chung với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng một lần 50.000.000 đồng, anh V yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu An theo quy định của pháp luật thì thấy: Chị T không chứng minh được mức thu nhập của anh V do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương tối thiểu mà nhà nước quy định và buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu An bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu mỗi tháng là có căn cứ. Hiện tại mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng nên anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu An mỗi tháng là 750.000 đồng cho đến khi cháu An thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét đề nghị của đại Viện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V đối với chị T. Anh V được ly hôn với chị T.

2. Về con chung: Giao chị T tiếp tục trong năm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A, sinh ngày 16-11-2005. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được. Thời hạn bắt cấp dưỡng kể từ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp 300.000 đồng nên anh V phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Trạch;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài